TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Thanh Tuấn
Ông Danh Riêng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2025/TLST - HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Trúc G - Sinh năm: 1988 (Có mặt).
- *Bị đơn*: Anh Trương Phước L - Sinh năm: 1972 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
(Nay là ấp V, xã L, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Trần Thị Trúc G trình bày:

Chị G và anh Trương Phước L thông qua người mai mối, sau đó gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2008. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, không phù hợp tính ý, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh L đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị G yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Kỳ A - sinh ngày: 24/11/2009 và Trương Thanh V - sinh ngày 12/01/2011. Hiện các con đang chung sống với chị G, chị G yêu cầu tiếp tục 02 nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn - anh Trương Phước L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L đồng ý ly hôn với chị G do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Kỳ A - sinh ngày: 24/11/2009 và Trương Thanh V - sinh ngày 12/01/2011. Anh L yêu cầu tôn trọng theo ý kiến con, con theo ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Trúc G khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Trương Phước L. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang nay là xã L, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, được triệu tập đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh L có văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc G và anh Trương Phước L cưới nhau vào năm 2008, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị G và anh L đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*....". Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh L có văn bản thể hiện đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị G và anh L ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Trần Thị Trúc G được ly hôn với anh Trương Phước L

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Trúc G và anh Trương Phước L đều xác định có 02 con chung tên Trương Kỳ A - sinh ngày: 24/11/2009 và Trương Thanh V - sinh ngày 12/01/2011. Hiện các con đang chung sống với chị G, các cháu đều trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với chị G, anh L cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con. Xét ý kiến của chị G về việc tiếp tục nuôi 02 con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do chị G không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 82 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Trúc G được ly hôn với anh Trương Phước L

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trương Kỳ A - sinh ngày: 24/11/2009 và Trương Thanh V - sinh ngày 12/01/2011 cho chị Trần Thị Trúc G tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền

số 82 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị G được tính kể từ ngày 22/9/2025, anh L được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND KV5;
- Phòng thi hành án DS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy An